

THU HÚT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CỦA TỈNH BẮC NINH TIẾP TỤC KHẲNG ĐỊNH VAI TRÒ QUAN TRỌNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ

*ThS.Không Văn Thắng**

Mặc dù bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới còn nhiều khó khăn nhưng kết thúc năm 2015, tỉnh Bắc Ninh vẫn là điểm sáng nhất của cả nước về thu hút nhiều dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), với tổng vốn đầu tư đạt gần 3,5 tỷ USD. Bên cạnh nguồn vốn trong tỉnh đóng vai trò quyết định, vốn đầu tư nước ngoài là một trong những nguồn vốn quan trọng và được coi là nguồn vốn thích hợp đối với Bắc Ninh. Vai trò của FDI trong những năm qua đã được khẳng định, đóng góp tích cực vào tăng trưởng và phát triển kinh tế của tỉnh. Bài viết này sử dụng phương pháp thống kê mô tả đánh giá những thành tựu nổi bật về thu hút FDI và những đóng góp tích cực mà FDI mang lại cho tỉnh Bắc Ninh. Đồng thời, đề xuất một số giải pháp quan trọng để tiếp tục thu hút nguồn vốn FDI này cho mục tiêu phát triển trong những năm tiếp theo.

1. Thực trạng thu hút đầu tư nước ngoài của tỉnh Bắc Ninh năm 2015

Phát huy lợi thế về địa kinh tế, tiềm năng thế mạnh của tỉnh, ngay sau khi tái lập Bắc Ninh đã thực hiện quy hoạch xây dựng và phát triển các khu công nghiệp (KCN), coi đây là khâu đột phá để đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp. Sau 19 năm hình thành và phát triển, với hệ thống hạ tầng đồng bộ, các KCN Bắc Ninh đã minh chứng được năng lực vượt trội đó là sức hút đầu tư trực tiếp nước ngoài liên tục tăng, đưa Bắc Ninh từ một tỉnh nông nghiệp vươn lên đứng top đầu toàn quốc về thu hút đầu tư.

Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh, năm 2015 các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư 144 dự án vào tỉnh Bắc Ninh

với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm là 3,46 tỉ USD, chiếm 16% tổng vốn đầu tư đăng ký của cả nước và là địa phương dẫn đầu cả nước về thu hút vốn đầu tư nước ngoài². Cũng trong năm 2015, các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 4 ngành lĩnh vực của tỉnh Bắc Ninh, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo là lĩnh vực thu hút được nhiều sự quan tâm nhất với 112 dự án đầu tư đăng ký mới, chiếm 77,8% tổng vốn đầu tư đăng ký; Lĩnh vực bán buôn, bán lẻ đứng thứ 2 với 7 dự án, với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới 1,93 tỉ USD, lĩnh vực xây dựng đứng thứ 3 với 2 dự án, với tổng vốn đầu tư đăng ký là 0,6 tỉ USD, chiếm 12,3% tổng vốn đầu tư... Lũy kế đến hết năm 2015, các nhà đầu tư

* Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh

² TP.Hồ Chí Minh (đứng thứ 2) với tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm là 3,32 tỉ USD, chiếm 14,6% ; Bình Dương (đứng thứ 3) với tổng số vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm 2,95 tỉ USD, chiếm 13% tổng vốn đầu tư; tiếp theo là Trà Vinh và Đồng Nai với tổng vốn đầu tư lần lượt là 2,52 tỉ USD và 1,94 tỉ USD.

nước ngoài tại tỉnh Bắc Ninh đã đầu tư vào 15 trên tổng số 21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân, trong đó vốn đầu tư tập trung nhiều vào lĩnh vực Công nghiệp chế biến, chế tạo với 714 dự án, tổng vốn đầu tư 10,921 tỷ USD, chiếm 94,6% tổng vốn FDI đăng ký của tỉnh Bắc Ninh; đứng thứ hai là lĩnh vực xây dựng với 19 dự án và số vốn là 17,3 triệu USD, chiếm 0,15%; tiếp đến là bán buôn,

bán lẻ 18 dự án với số vốn là 41,5 triệu USD, chiếm 3,6% và kinh doanh bất động sản với 12 dự án và vốn đăng ký là 358 triệu USD, chiếm 3,12% tổng vốn FDI đăng ký của tỉnh Bắc Ninh. Bốn lĩnh vực này đã chiếm hơn 98% tổng vốn đầu tư đăng ký trên toàn địa bàn tỉnh, còn lại là một số lĩnh vực khác như vận tải, dịch vụ lưu trú và ăn uống³...

Bảng 1: Số dự án đầu tư có hiệu lực và số vốn đăng ký có đến 31/12/2015

STT	Chỉ tiêu	Số dự án, vốn đăng ký từ 1/1/2015-31/12/2015		Số dự án còn hiệu lực, vốn đăng ký lũy kể đến hết năm 2015	
		Số dự án (dự án)	Vốn đăng ký (Triệu USD)	Số dự án (dự án)	Vốn đăng ký (Triệu USD)
	Tổng số	144	3460	786	11469.9
I	Phân theo ngành kinh tế				
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	112	3142	507	714
2	Xây dựng	2	6	17	19
3	Bán buôn, bán lẻ	7	19.5	11	18
4	Kinh doanh bất động sản	0		12	12
5	Dịch vụ lưu trú ăn uống	1	0.5	9	10
II	Phân theo nước đầu tư				
1	Hàn Quốc	77	3047.5	474	8297.8
2	Nhật Bản	12	38.7	80	1066.4
3	Singapore	7	33.0	28	282.4
4	Trung Quốc	11	22.5	66	135.6
5	Đài Loan	7	7.2	38	362.4
6	Hồng Kông	7	14.5	33	289.5
7	Phần lan	0	0.0	1	302.0

Nguồn: Báo cáo kinh tế – xã hội tỉnh Bắc Ninh năm 2015

Phân theo hình thức đầu tư: Các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tập trung chủ yếu vào hình thức 100% vốn nước ngoài với 586 dự án, tổng vốn đăng ký hơn 7,34 tỷ USD (chiếm 93,8% tổng vốn FDI đăng ký của tỉnh Bắc Ninh). Các dự án còn lại thuộc hình

thức liên doanh, công ty cổ phần và hợp đồng hợp tác kinh doanh.

³ *Khổng Văn Thắng (2016), “Thực trạng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam”, Tạp chí đại học Cửu Long, (Số 01), tr.44 - 51.*

Phân theo đối tác đầu tư: Tính đến nay, đã có 29 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư vào địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Các nhà đầu tư Hàn Quốc dẫn đầu với trên 474 dự án và 8,29 tỷ USD (chiếm 72,3% tổng vốn FDI đăng ký của tỉnh Bắc Ninh). Nhật Bản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư 1 tỷ USD (chiếm 9,3% tổng vốn FDI đăng ký của tỉnh Bắc Ninh) trên 80 dự án. Trung Quốc đứng thứ ba, có 66 dự án với tổng vốn đầu tư là gần 135,6 triệu USD (chiếm 1,2 % tổng vốn FDI đăng ký của tỉnh Bắc Ninh). Còn lại là nhà đầu tư đến từ các quốc gia khác như Đài Loan, Singapo, Phần Lan, Thái Lan...

Một số dự án tiêu biểu: Dự án FDI lớn nhất tại Bắc Ninh đến thời điểm hiện nay là dự án Công ty TNHH SamSung Display Bắc Ninh cấp phép ngày 21/6/2007 của nhà đầu tư SamSung Display Co.,Ltd (Hàn Quốc). Tổng vốn đầu tư của dự án đạt 1 tỷ USD, dự án này chuyên sản xuất, lắp ráp gia công, tiếp thị hoặc bán các loại màn hình Smartphone... đến tháng 8/2015, Công ty Samsung Display Việt Nam tiếp tục đầu tư thêm dự án mới với số vốn đầu tư tăng thêm là 3 tỷ USD. Với việc đầu tư thêm 3 tỷ USD, nâng quy mô và vốn đầu tư, dự án của Samsung Display tại Bắc Ninh lên 4 tỷ USD, là dự án có quy mô vốn đầu tư lớn nhất của Tập đoàn tại Việt Nam và đồng thời Sansung trở thành nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Dự kiến với việc đầu tư mở rộng như vậy đến năm 2018 doanh thu sẽ đạt 40 tỷ USD và năm 2020 đạt 60 tỷ USD; tạo kim ngạch xuất khẩu lớn và tạo trên 20.000 việc làm cho người lao động.

Đứng thứ hai là dự án Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam cấp phép ngày

25/3/2008 của nhà đầu tư Samsung Electronics Asia Holding Pte. Ltd, Singapore. Tổng vốn đầu tư của dự án lên tới 2,5 tỷ USD. Dự án sản xuất sản phẩm điện tử công nghệ cao, cung cấp dịch vụ sản xuất, lắp ráp sản phẩm điện tử.

2. Đóng góp của đầu tư nước ngoài đối với tỉnh Bắc Ninh

Khu vực kinh tế đầu tư nước ngoài của tỉnh Bắc Ninh đã khẳng định vị trí của mình và trở thành một bộ phận quan trọng của nền kinh tế, góp phần tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đầu tư nước ngoài FDI trong thời gian qua đã đóng góp đáng kể vào tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh Bắc Ninh. Tỷ lệ đóng góp của khu vực FDI trong GRDP toàn tỉnh tăng dần qua các năm: năm 2010 là 30%; năm 2012 tăng lên 50%; năm 2014 đạt 69,2%; năm 2015 đạt 70,3%.

Khu vực kinh tế có vốn FDI cũng góp phần vào chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất của tỉnh, Giá trị sản xuất công nghiệp (CN) khu vực FDI năm 2010 là 68.240 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010), chiếm 62,3%; đến năm 2012 đã là 330.645 tỷ đồng, chiếm 88,6%; đến năm 2014 là 472.965 tỷ đồng, chiếm 91% và năm 2015 đạt 546.860 tỷ đồng, chiếm 91,1% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh. Xuất khẩu của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh, năm 2010, kim ngạch xuất khẩu khu vực FDI đạt 2.357 triệu USD, chiếm 96,2% kim ngạch xuất khẩu của cả tỉnh; đến năm 2012 đạt 14.911 triệu USD, chiếm 99,1%; năm 2014 đạt 21.862 triệu USD, chiếm 99,3% và đến hết năm 2015 đạt trên 23.131 triệu USD chiếm 99,4%.

Bảng 02: Một số đóng góp chính của khu vực vốn đầu tư nước ngoài đối với tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2010-2015

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2011	2012	2014	2015
1	Đóng góp của khu vực FDI vào GRDP	%	30	50	69.2	70.3
2	Giá trị sản xuất CN toàn tỉnh (giá SS2010)	Tỷ đồng	109535	373029	519593	600436
	Trong đó: Giá trị sản xuất CN khu vực FDI	Tỷ đồng	68240	330645	472965	546860
	+ Cơ cấu	%	62.3	88.6	91.0	91.1
3	Tổng giá trị xuất khẩu toàn tỉnh	Triệu USD	2451	15041	21975	23274.1
	Trong đó: Giá trị xuất khẩu khu vực FDI	Triệu USD	2357	14911	21826	23130.6
	+ Cơ cấu	%	96.2	99.1	99.3	99.4
4	Tổng nộp ngân sách toàn tỉnh	Tỷ đồng	6099	9444	12440	14300
	Trong đó: Nộp ngân sách nhà nước của khu vực FDI	Tỷ đồng	2120	3823	4000	4500
	+ Cơ cấu	%	34.8	40.5	32.2	31.5

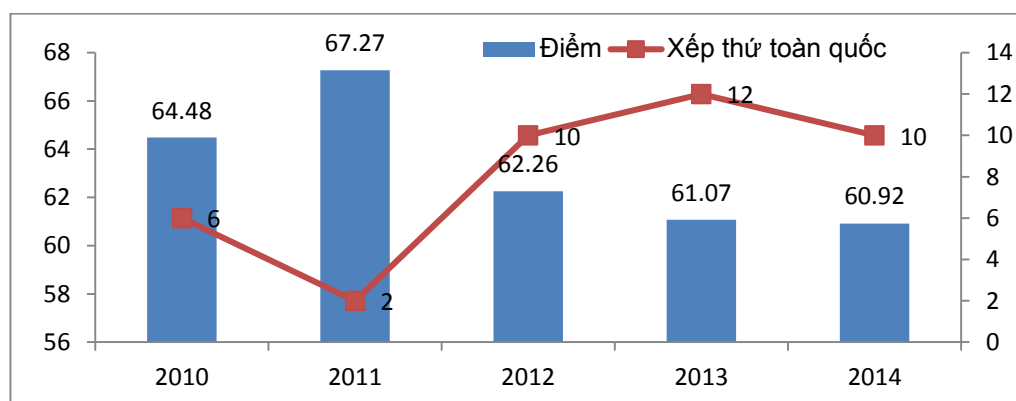
Nguồn: Niên giám thống kê năm 2014; Số liệu Thống kê chủ yếu thời kỳ 2010-2015

Đầu tư nước ngoài của tỉnh Bắc Ninh đóng góp ngày càng lớn vào nguồn thu ngân sách của tỉnh. Nộp ngân sách của khu vực đầu tư nước ngoài năm 2010 đạt 2.120 tỷ đồng, chiếm 34,8%, đến năm 2012 đã là 3.823 tỷ đồng, chiếm 40,5%, đến năm 2014 là 4.000 tỷ đồng chiếm 32,2% và đến hết năm 2015 ước đạt 4.500 tỷ đồng, chiếm 31,5% tổng thu ngân sách toàn tỉnh. Số nộp ngân sách khu vực FDI tăng nhanh qua từng năm, đã góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, bình quân mỗi năm tạo ra việc làm mới

cho trên 26 nghìn lao động, thu nhập bình quân đầu người toàn tỉnh đến hết năm 2015 đã đạt trên 42 triệu đồng/người/năm.

Có được kết quả đó trước tiên phải kể đến khâu đột phá đầu tiên của Bắc Ninh là cải cách hành chính, thời gian qua tỉnh Bắc Ninh không ngừng nỗ lực thực hiện đồng bộ công tác cải cách hành chính (CCHC), coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương nhằm góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh (PCI) liên tục đạt ở mức rất tốt⁴ (xem hình 1).

Hình 1: Điểm số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Bắc Ninh và thứ hạng so với cả nước



Nguồn: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)

⁴ Năm 2010 đạt 64,48 điểm, xếp thứ 6; đến năm 2011 đạt 67,27 điểm, xếp thứ 2; năm 2012 đạt 62,26 điểm, xếp thứ 10; năm 2013 đạt 61,07 điểm, xếp thứ 12 và đến năm 2014 đạt 60,92 điểm, xếp thứ 10 cả nước và thứ 3 trong vùng, tạo đà thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

Công tác CCHC được triển khai đồng bộ, hiệu quả cả về cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính (TTHC), cải cách tổ chức bộ máy, cải cách tài chính công và hiện đại hoá hành chính. Với sự chỉ đạo quyết liệt của UBND tỉnh các Sở, ban, ngành công tác CCHC thu được những kết quả khả quan, được các cấp, ngành, đơn vị và cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận, đánh giá cao. Điển hình trong cải cách TTHC là thực hiện nghiêm túc việc rà soát các TTHC và thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật khi có sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc huỷ bỏ, bãi bỏ liên quan đến các TTHC; kiểm soát chặt chẽ và thực hiện nghiêm túc các thủ tục được công bố công khai, đồng thời nghiên cứu, đề nghị cắt giảm tối đa các thủ tục không cần thiết cụ thể ở Sở kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) đang thực hiện giải quyết các TTHC và toàn bộ được áp dụng giải quyết theo cơ chế một cửa với việc niêm yết công khai các quy định về TTHC và trình tự giải quyết TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; công khai, minh bạch tất cả các TTHC thuộc phạm vi quản lý của ngành trên cổng thông tin điện tử của Sở⁵. Sở KH&ĐT chỉ đạo quyết liệt việc cắt giảm thời gian thực hiện các TTHC so với quy định như: Thời gian thực hiện thủ tục Thẩm định kế hoạch đấu thầu giảm 60%; Cấp Giấy chứng nhận hoạt động doanh nghiệp giảm 70%; Thẩm định chủ trương đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư của doanh nghiệp giảm 66%... Bước đầu thực hiện thành công việc đăng ký kinh doanh qua mạng là bước đột phá trong CCHC, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân, từng bước hiện đại hóa nền hành chính công. Bên cạnh đó, Sở KH&ĐT cũng thường xuyên chỉ đạo rà soát, nâng cao chất lượng hỗ trợ, phục vụ doanh nghiệp, phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết kịp thời

vướng mắc cho doanh nghiệp; công khai số điện thoại, email tại Bộ phận một cửa hiện đại, số điện thoại tiếp nhận đơn thư, khiếu nại, tố cáo để kịp thời tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về TTHC trong việc giải quyết công việc của tổ chức, doanh nghiệp, công dân. Tăng cường đối thoại giữa chính quyền với doanh nghiệp và nhân dân, mở rộng dân chủ, phát huy vai trò của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng thể chế...

3. Một số hạn chế và tác động tiêu cực của khu vực kinh tế đầu tư nước ngoài đối với tỉnh Bắc Ninh

Tuy đã đạt được nhiều thành tựu, song trong quá trình hoạt động khu vực kinh tế này cũng bộc lộ một số hạn chế, yếu kém đó là:

Chất lượng dòng vốn đầu tư vào tỉnh chưa cao, đa số các dự án FDI thuộc lĩnh vực sản xuất các sản phẩm công nghiệp hoàn chỉnh đều phải nhập khẩu linh phụ kiện, thiết bị từ nước ngoài để lắp ráp nên giá trị gia tăng trong sản phẩm thấp và chủ yếu gia tăng từ nguồn nhân công giá thấp. Doanh thu hàng năm của các doanh nghiệp FDI rất lớn và liên tục có xu hướng tăng qua từng năm song đóng góp cho ngân sách so với doanh thu rất thấp thậm chí không bằng doanh nghiệp dân doanh trong nước cụ thể: Năm 2010, tỷ lệ nộp ngân sách so với doanh thu của các doanh nghiệp FDI Bắc Ninh là 3,61%, cao hơn 3,23% của doanh nghiệp dân doanh, đến năm 2014, tỷ lệ này giảm chỉ còn 1,25%.

Hoạt động chuyển giao công nghệ diễn ra rất chậm và không rõ nét; nhiều dự án hoạt động không hiệu quả đã bị thu hồi giấy chứng nhận đầu tư; một số doanh nghiệp liên tục báo thua lỗ, theo kết quả điều tra doanh nghiệp năm 2010, có tới 66 doanh nghiệp FDI làm ăn thua lỗ với số tiền là 622,4 tỷ đồng và năm 2014, số liệu tương ứng là 196 doanh nghiệp

⁵ <http://www.bacninhbusiness.gov.vn>

với số tiền lỗ là 2.028,9 tỷ đồng; hiện tượng chuyển giá để báo lỗ đã xuất hiện ở một số doanh nghiệp FDI tỉnh Bắc Ninh với mức độ ngày càng tinh vi hơn.

Tình trạng tranh chấp lao động và đình công còn diễn ra, tình trạng công nhân bỏ các doanh nghiệp dân doanh chạy sang các doanh nghiệp FDI khá phổ biến, thu nhập của người lao động trong các doanh nghiệp FDI có sự chênh lệch rất lớn giữa cán bộ quản lý và công nhân lao động trực tiếp điều đó đã tạo ra sự phân hóa ngày càng rõ nét giữa các tầng lớp lao động trong doanh nghiệp; một lượng lớn lao động nhập cư đổ về Bắc Ninh thuê trọ ở xung quanh các khu công nghiệp kéo theo hệ lụy về ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội... gây ảnh hưởng không tốt đến môi trường đầu tư.

Nguyên nhân, được tỉnh Bắc Ninh chỉ ra là do việc thu hút FDI trong những năm qua còn chạy theo lượng vốn đăng ký mà chưa chú trọng đến hiệu quả của dòng vốn. Hệ thống chính sách pháp luật về đầu tư còn chồng chéo, thay đổi nhanh, thiếu đồng bộ, thiếu nhất quán. Công tác hậu kiểm dự án đầu tư nước ngoài chưa được tiến hành thường xuyên, trong khi sự phối hợp giữa các sở, ngành ở địa phương và giữa địa phương với trung ương vẫn chưa chặt chẽ. Hệ thống cơ sở hạ tầng còn yếu kém, chưa đáp ứng được nhu cầu của nhà đầu tư, đặc biệt là hệ thống cấp điện, nước, hệ thống đường giao thông, hệ thống cơ sở hạ tầng trong và ngoài hàng rào khu công nghiệp...

4. Một số giải pháp để tiếp tục thu hút đầu tư nước ngoài cho các năm tiếp theo

Để tiếp tục duy trì và thu hút hiệu quả hơn nữa nguồn vốn đầu tư nước ngoài tỉnh Bắc Ninh tiếp tục phải thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ trong đó tập trung vào các giải pháp chính như sau:

Một là, tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, đầu mối trung tâm là Bộ phận một cửa của Sở KH&ĐT tỉnh Bắc Ninh, đơn giản hóa các thủ tục đầu tư, xây dựng, thúc đẩy nhanh việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Coi trọng và thường xuyên chỉ đạo làm tốt việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực thực thi công vụ, ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, bố trí, sắp xếp bộ máy tổ chức khoa học và nhất là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành nhằm nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý Nhà nước và tạo thuận lợi nhất cho nhà đầu tư... Đẩy mạnh công tác an ninh trật tự tại các khu công nghiệp tập trung.

Thứ hai, Bắc Ninh lựa chọn các lĩnh vực ưu tiên thu hút FDI theo định hướng "sử dụng công nghệ cao, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên, khoáng sản, đất đai". Đẩy mạnh phát triển công nghiệp phụ trợ; tăng cường phát triển cơ sở hạ tầng: giao thông, điện, nước, nhà ở cho công nhân, trường học cho con em công nhân, đẩy mạnh công tác xử lý rác nước thải và rác thải; chú trọng các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao như: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông, cung cấp phần mềm và giải pháp, nghiên cứu và phát triển (R&D),... Giai đoạn 2020 -2030 và tầm nhìn 2030-2050 sẽ điều chỉnh nâng dần tỷ trọng vốn FDI trong ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

Thứ ba, triển khai thực hiện cơ chế chính sách ưu tiên, ưu đãi thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành, lĩnh vực mũi nhọn của tỉnh. Cơ chế chính sách hỗ trợ, ưu đãi bao gồm: Hỗ trợ về giải phóng mặt bằng; Hỗ trợ nhà đầu tư cung ứng và đào tạo lao động; Đối với các dự án có quy mô lớn (vốn đầu tư từ 1500 tỷ trở

lên), sử dụng công nghệ cao, ngoài các ưu đãi theo quy định chung của chính phủ, nhà đầu tư được UBND tỉnh xem xét hỗ trợ xây dựng cơ chế hỗ trợ ưu đãi đặc thù trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận...

Bốn là, tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động đầu tư sau cấp phép, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật chuyên ngành như Thuế, bảo hiểm xã hội đối với các doanh nghiệp FDI; tiến hành rà soát, phân loại và xử lý theo quy định của pháp luật đối với các dự án chậm triển khai hoặc không triển khai thực hiện; nhằm đa dạng hóa các hình thức đầu tư để huy động và nâng tỷ trọng của vốn FDI vào lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng (giao thông, điện, nước, trường học), tiếp tục khuyến khích đầu tư theo hình thức BT, BOT, đồng thời chỉ đạo nghiên cứu và triển khai mô hình đầu tư hợp tác công tư (PPP) theo Quyết định số 71/2010 ngày 9/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm là, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cần nâng cao chất lượng công tác thẩm tra, thẩm định cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư. Việc cấp Giấy CNĐT phải đảm bảo các yêu cầu như: Sự phù hợp của lĩnh vực đầu tư đối với hệ thống quy hoạch của tỉnh Bắc Ninh, quy hoạch vùng, quy hoạch phát triển ngành...; hệ thống các tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án phải bằng hoặc cao hơn hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, công nghệ

sử dụng trong dự án phải là công nghệ tiên tiến và thân thiện với môi trường....

Sáu là, tỉnh Bắc Ninh cần thường xuyên gặp mặt đối thoại với các nhà đầu tư và đại diện các tổ chức quốc tế đang hoạt động trên địa bàn, có danh mục các dự án cần thu hút, các chính sách ưu đãi của tỉnh công bố về quy hoạch thu hút đầu tư vào lĩnh vực mà Bắc Ninh có thế mạnh tiềm năng về tài nguyên và lao động để các nhà đầu tư có cơ hội lựa chọn. Trong công tác xúc tiến đầu tư tập trung vào các thị trường lớn, tiềm năng như Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ... Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư. Chú trọng các hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ theo định hướng tiết kiệm, hiệu quả. Tăng cường công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư đã được cấp Giấy CNĐT.

Tóm lại, đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Bắc Ninh trong thời gian qua đã có những đóng góp quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Hoạt động này đã và đang trở thành động lực tiếp sức cho Bắc Ninh thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn mới 2015-2020. Việc điều chỉnh chính sách nâng cao chất lượng dòng vốn đầu tư nước ngoài vào thời điểm thích hợp sẽ góp phần phát huy những mặt tích cực, hạn chế những mặt tiêu cực của đầu tư nước ngoài, đồng thời đóng góp cho thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh trong tương lai./.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh (2015), *Niên giám Thống kê năm 2014*, NXB Thống kê Hà Nội.
- [2]. Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh (2015), *Bắc Ninh số liệu Thống kê chủ yếu thời kỳ 2010-2015*, NXB Thống kê Hà Nội.
- [3]. Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh (2015), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2015*. Cục Thống kê Bắc Ninh.

(Xem tiếp trang 8)

(Tiếp theo trang 15)

[4]. Tỉnh ủy Bắc Ninh (2015), *Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015-2020*, Tỉnh ủy Bắc Ninh.

[5]. Khổng Văn Thắng (2013), "Đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu ở tỉnh Bắc Ninh", *Tạp chí khoa học đại học Huế*, (Số 8), tr.86 - 94.

[6]. Khổng Văn Thắng (2014), " Kinh nghiệm nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh thành phần: Nghiên cứu trường hợp tỉnh Bắc Ninh", *Tạp chí Thông tin và Dự báo Kinh tế xã hội - Bộ Kế hoạch và Đầu tư*, (Số 98, tr.41-49.

[7]. Khổng Văn Thắng (2014), "Tổng quan cơ sở kinh tế hành chính sự nghiệp tỉnh Bắc Ninh", *Tạp chí Con số và Sự kiện Tổng cục Thống kê – Bộ kế hoạch và đầu tư*, (Số 1 và 2), tr.23-30.

[8]. Khổng Văn Thắng (2013), "Sử dụng mô hình SWOT nhằm tìm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động xuất - nhập khẩu nghiên cứu trường hợp tỉnh Bắc Ninh", *Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ*, (Số 28), tr.45 - 53.